

Số 1044/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Công văn số 1284/BTTTT-CĐSQG ngày 12/4/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo dễ sử dụng, thân thiện với người dùng;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-BCĐ ngày 10/5/2023 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 37/TTr-STTTT ngày 19/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023 (có Phụ lục chi tiết kèm theo), các chỉ tiêu gồm:

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình;



- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền, hướng dẫn người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp;

- 100% số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp xã từ ngày 01/6/2023 theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ);

- 85% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ;

- 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến;

- 40% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ chỉ tiêu được giao tại Điều 1 Quyết định này; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện; trong đó phân rõ lộ trình cụ thể tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo từng tháng, quý trong năm; phân công, giao nhiệm vụ kèm chỉ tiêu đối với từng phòng ban, đơn vị trực thuộc và mỗi cán bộ, công chức, viên chức nhằm đạt chỉ tiêu được giao.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính qua đó phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi trái quy định của cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn phiền hà cho người dân trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *giang*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX *m*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Bích Hằng

PHỤ LỤC

Giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2023 trên địa bàn tỉnh
 (Kèm theo Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ (%)	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến (%)	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (%)	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền, hướng dẫn người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp (%)	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia (%)	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh				100			Không có dịch vụ công trực tuyến
2	Thanh tra tỉnh				100			
3	Ban quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh	85	50	100	100	100	40	
4	Sở Công Thương	85	50	100	100	100	40	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	85	50	100	100	100	40	
6	Sở Giao thông Vận tải	85	50	100	100	100	40	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	85	50	100	100	100	40	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	85	50	100	100	100	40	

9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	85	50	100	100	100	40	
10	Sở Nội vụ	85	50	100	100	100	40	
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85	50	100	100	100	40	
12	Sở Tài chính	85	50	100	100	100	40	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	85	50	100	100	100	40	
14	Sở Tư pháp	85	50	100	100	100	40	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	85	50	100	100	100	40	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	90	60	100	100	100	40	
17	Sở Xây dựng	85	50	100	100	100	40	
18	Sở Y tế	85	50	100	100	100	40	
19	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng	85	50	100	100			Đối với các tỷ lệ tại cột 5 và cột 6, các huyện, thành phố không triển khai tại cấp huyện, xã nên không điền thông tin
	38/38 xã, thị trấn thuộc huyện Đông Hưng	85	50	100	100			
20	Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà	85	50	100	100			

	35/35 xã, thị trấn thuộc huyện Hưng Hà	85	50	100	100			
21	Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương	85	50	100	100			
	33/33 xã, thị trấn thuộc huyện Kiến Xương	85	50	100	100			
22	Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ	85	50	100	100			
	37/37 xã, thị trấn thuộc huyện Quỳnh Phụ	85	50	100	100			
23	Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy	85	50	100	100			
	36/36 xã, thị trấn thuộc huyện Thái Thụy	85	50	100	100			
24	Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải	85	50	100	100			
	32/32 xã, thị trấn thuộc huyện Tiền Hải	85	50	100	100			
25	Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	85	50	100	100			
	30/30 xã, thị trấn thuộc huyện Vũ Thư	85	50	100	100			
26	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình	85	50	100	100			
	19/19 xã, phường thuộc thành phố Thái Bình	85	50	100	100			